

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MINH QUÂN

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI MINH QUÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH QUAN BUILD AND TRADING MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MINH QUAN BUTRAMA ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110048452

3. Ngày thành lập: 01/07/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 496 đường Đê La Thành, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0967015578

Fax:

Email: minhquanxaydung.jsc@gmail.com Website: om

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
10.	Khai thác quặng sắt	0710
11.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
13.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

14.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
15.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
16.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
17.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
18.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
19.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
20.	Sản xuất giày, dép	1520
21.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
22.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
23.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
24.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
25.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
26.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
27.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
28.	In ấn	1811
29.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
30.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
31.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
32.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
33.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
34.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
35.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
36.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
37.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
38.	Đúc sắt, thép	2431
39.	Đúc kim loại màu	2432
40.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
41.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
42.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
43.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
44.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670

45.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
46.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
47.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
48.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
49.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
50.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
51.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
52.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
53.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
54.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
55.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
56.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
57.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
58.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
59.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
60.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
61.	Xây dựng nhà không để ở	4102
62.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
63.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
64.	Xây dựng công trình điện	4221
65.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
66.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
67.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
68.	Xây dựng công trình thủy	4291
69.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
70.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
71.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
72.	Phá dỡ	4311
73.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
74.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

75.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
76.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
77.	Ghi chú: Không bao gồm hoạt động đấu giá	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	Số 4 ngõ 59 đường Công Tây, Xã Hồng Hà, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	001078039863	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		

2	TRẦN THỊ THU	Số 496 đường Đê La Thành, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.400.000	14.000.000.000	70,000	001177020935
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.400.000	14.000.000.000	70,000	
3	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	Tổ 2 Giáp Nhất, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	042178000266
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ THU

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 16/08/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001177020935

Ngày cấp: 10/05/2019

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Bến Trung, Xã Bắc Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 496 đường Đê La Thành, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội